

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:*)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhi khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGÔ MINH XUÂN

2. Ngày tháng năm sinh: 14/11/1962; Nam ; Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 41 An Điềm, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Ngô Minh Xuân, Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, số 02, Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0903861784; E-mail: xuanlien62@pnt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1988 đến năm 1992: Bác sĩ điều trị khoa sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ TP.HCM, Ủy viên ban chấp hành Đoàn cơ sở Bệnh viện Từ Dũ.

Từ năm 1992 đến năm 1993: Tu nghiệp về Nhi – sơ sinh tại cộng hòa Pháp

Từ năm 1994 đến năm 1998: Bác sĩ khoa sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ, Ủy viên Ban chấp hành Đoàn - Phó Bí thư Đoàn cơ sở Bệnh viện Từ Dũ.

Từ năm 1997 đến năm 2001: Học nghiên cứu sinh tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Từ năm 1998 đến năm 2002: Phó trưởng khoa sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ - Giảng viên kiêm nhiệm của Bộ môn Sản Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm đào tạo cán bộ Y tế TP. Hồ Chí Minh.

Từ năm 2002 đến năm 2006: Giảng viên kiêm nhiệm của Bộ môn Sản Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm đào tạo cán bộ Y tế TP. Hồ Chí Minh. Bí thư Đoàn cơ sở Bệnh viện Từ Dũ và là Đảng ủy viên Đảng bộ Bệnh viện Từ Dũ. Tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2005.

Từ năm 2006 đến năm 2007: Trưởng khoa sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ, Bác sĩ chính; Giảng viên kiêm nhiệm của Bộ môn Sản Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm đào tạo cán bộ Y tế TP. Hồ Chí Minh; Giảng viên của các dự án quốc gia đào tạo về chăm sóc hồi sức sơ sinh của vụ súc khỏe sinh sản, Bộ Y tế; Bí thư Đoàn cơ sở Bệnh viện Từ Dũ, Đảng ủy viên.

Từ năm 2007 đến năm 2012: Trưởng khoa sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ; Đảng ủy viên; Giảng viên kiêm nhiệm của Bộ môn Sản Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh và Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh; Giảng viên của các dự án quốc gia đào tạo về chăm sóc hồi sức sơ sinh của vụ súc khỏe sinh sản, Bộ Y tế; PGS.TS Y học (từ 2009); Chủ tịch hội Chu sinh và Sơ sinh TP. Hồ Chí Minh (từ 2011 đến nay)

Từ năm 2013 đến năm 2016: Phó hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh, Đảng ủy viên; Chủ tịch hội Chu sinh và Sơ sinh TP. Hồ Chí Minh (từ 2011 đến nay)

Từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 3 năm 2021: Hiệu trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh. Giảng viên cao cấp năm 2017.

Từ tháng 3 năm 2021 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Trường kiêm Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Trường kiêm Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh; Chức vụ cao nhất đã qua: Hiệu trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ cơ quan: số 02, Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại cơ quan: 02838652435

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 10 năm 1989; số văn bằng: 13422; ngành: Y,

chuyên ngành: Đa khoa hệ Nội; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại Học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 11 năm 2002; số văn bằng: 01810; ngành: Y học; chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại Học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 18 tháng 11 năm 2009, ngành: Nhi khoa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu mô hình bệnh tật và kết quả điều trị trẻ sơ sinh.
- Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới trong điều trị trẻ non tháng.
- Nghiên cứu kỹ thuật điều trị vàng da tăng bilirubin tự do ở trẻ sơ sinh
- Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý ở trẻ em ngoài diện sơ sinh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài cấp thành phố (Sở khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh)
- Đã công bố (số lượng) **71** bài báo khoa học, trong đó **22** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó có 13 bài báo quốc tế là tác giả chính);
- Đã được cấp (số lượng) **02** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **12**, trong đó cả **12** thuộc nhà xuất bản có uy tín; gồm chủ biên **04** sách chuyên khảo, chủ biên 3 sách tham khảo, chủ biên **02** giáo trình và tham gia biên soạn 3 giáo trình.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2019	Huân chương lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quyết định số 1988/QĐ-CTN ngày 14/11/2019. Đã có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2017	Danh hiệu Thầy thuốc nhân dân của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quyết định số 366/QĐ-CTN ngày 24/02/2017. Đã có cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.
2013	Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quyết định số 1842/QĐ-CTN ngày 2/10/2013. Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2008 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2003	Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quyết định số 83/QĐ-CTN ngày 13/02/2003. Đã có nhiều cống hiến trong việc xây dựng và phát triển sự nghiệp y tế của dân tộc.
2009	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quyết định số 2113 - QĐ/TTg ngày 16/12/2009. Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2004 đến năm 2008, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2010	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Toàn quốc của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quyết định số 1721-QĐ/TTg ngày 17/9/2010. Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2007	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	Quyết định số 5199/QĐ-BYT ngày 19/12/2007. Đạt danh hiệu “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” ngành Y tế lần thứ nhất giai đoạn 2002 - 2006”.
2009	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	Quyết định số 4614/QĐ-BYT ngày 24/11/2009. Đã có thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện Đề án 1816 của Bộ Y tế.
2019	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	Quyết định số 1902/QĐ-BYT ngày 21/5/2019. Đã có nhiều thành tích, đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị.

1999	Bằng khen của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Quyết định số 559/QĐ-TLĐ ngày 21/4/1999. Đã nêu gương lao động sáng tạo trong phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1998.
2009	Bằng lao động sáng tạo của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Quyết định số 770/QĐ-TLĐ ngày 03/7/2009. Đã đạt danh hiệu lao động sáng tạo trong phong trào thi đua yêu nước năm 2008.
2016	Bằng khen của Liên hiệp các hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	Quyết định số 235/QĐ-LHHVN ngày 28/3/2016. Đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng và phát triển Hội Y học Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015, góp phần phát triển Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.
2003	Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Quyết định số 571- QĐ/TUĐTN ngày 20/11/2003. Đã có thành tích xuất sắc trong 10 năm tổ chức các phong trào thanh niên tình nguyện thành phố Hồ Chí Minh (1994 - 2003).
2008	Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Quyết định số 57 - QĐ/TUĐTN ngày 16/1/2008. Hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007. Chủ đề “Nâng cao chất lượng đoàn viên, Đoàn cơ sở”.
2014	Bằng khen của Tổng Hội Y học Việt Nam	Quyết định số 190/2014-KTTHYH ngày 4/8/2014. Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội.
2009	Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân của Bộ trưởng Bộ Y tế	Quyết định số 244/QĐ-BYT ngày 21/01/2009. Đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tiêu chuẩn của nhà giáo

Tôi tự đánh giá có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại điều 67 của Luật Giáo Dục 43/2019/QH14, cụ thể:

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp

- Đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ:

- + Có bằng Tiến sĩ Y học Nhi khoa đúng chuyên ngành giảng dạy

- + Có học hàm phó giáo sư, chuyên ngành Nhi khoa

- + Có khả năng chuyên môn, giao tiếp tốt ngoại ngữ Pháp văn và Anh văn.

- + Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm

- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp

- Lý lịch bản thân rõ ràng

1.2. Nhiệm vụ của nhà giáo

- Là giảng viên, tôi thực hiện đầy đủ và nghiêm túc công tác giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý, chương trình giáo dục.

- Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, biên soạn sách, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Nhà trường.

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của người học.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

- Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 19 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016 (2015-2019)	01				4	105	109/194/54
2	2016-2017			01 BSNT		4	59	63/202/40,5
3	2017-2018			01 CK2		4	462	466/763/40,5

03 năm học cuối

4	2018-2019			01 CK2		4	461	465/762,5/40,5
5	2019-2020					4	246,5	250,5/276,5/40,5
6	2020-2021			01 BS CK2 01 BSNT Nhi		4	210	214/354/40,5
7	2021-2022			04 BS CK2		4	179,2	183,2/473,2/40,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Pháp văn, Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH Tại nước:; Từ năm đến năm

Tư nghiên cứu về Nhi – sơ sinh tại Cộng hòa Pháp; Từ năm 1992 đến năm 1993.

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:, năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Ngôi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác. \square : Diễn giải:

3.2 Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C.

Tiếng Pháp: Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, DELF 1er Degré

4. Hướng dẫn NCS HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GD&DH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I							Trước khi được công nhận PGS

1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS						
1	Bài giảng Sản phụ khoa Tập 1	GT	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM ISBN: 978-604-73-3795-8 Ngày nộp lưu chiểu: Quý II/2016	20	Tham gia biên soạn	Trang 480-487	2615/GCN-TĐHYKPNT Ngày 05/7/2019
2	Chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý sơ sinh thường gặp	TK	NXB Y học ISBN: 978-604-66-2088-4 Ngày nộp lưu chiểu: 26/8/2016	1	Chủ biên		2787/GCN-TĐHYKPNT Ngày 17/7/2019
3	Bài giảng Da liễu (Sách đào tạo Đại học)	GT	NXB Y học ISBN: 978-604-66-3679-3 Ngày nộp lưu chiểu: 9/7/2019	12	Đồng chủ biên		2785/GCN-TĐHYKPNT Ngày 17/7/2019
4	Dinh dưỡng học	GT	NXB Y học ISBN: 978-604-66-3771-4 Ngày nộp lưu chiểu: 4/11/2019	5	Tham gia biên soạn	Trang 246-274	1326/GCN-TĐHYKPNT Ngày 20/4/2020
5	Phác đồ điều trị bệnh lý sơ sinh	TK	NXB Y học ISBN: 978-604-66-3854-4 Ngày nộp lưu chiểu: 15/11/2019	3	Đồng chủ biên		1324/GCN-TĐHYKPNT Ngày 20/4/2020
6	Sơ sinh trong Bệnh viện sản	CK	NXB Y học ISBN: 978-604-66-4294-7 Ngày nộp lưu chiểu: 10/6/2020	1	Chủ biên		2540/GCN-TĐHYKPNT Ngày 24/6/2020
7	Một số bệnh lý nhãn khoa thường gặp	GT	NXB Y học ISBN: 978-604-66-4295-4 Ngày nộp lưu chiểu: 10/6/2020	13	Đồng chủ biên		2490/GCN-TĐHYKPNT Ngày 22/6/2020

8	Tổng quan về trẻ sinh non bệnh lý võng mạc ở trẻ non tháng (ROP)	TK	NXB Y học ISBN: 978-604-66-4296-1 Ngày nộp lưu chiểu: 26/5/2020	7	Đồng chủ biên		2539/GCN-TĐHYKPNT Ngày 24/6/2020
9	Chẩn đoán và Điều trị vàng da sơ sinh	CK	NXB Y học ISBN: 978-604-66-4946-5 Ngày nộp lưu chiểu: 24/5/2021	1	Chủ biên		2705/GCN-TĐHYKPNT Ngày 07/7/2021
10	Chăm sóc và Điều trị trẻ sinh non	CK	NXB Y học ISBN: 978-604-66-4945-8 Ngày nộp lưu chiểu: 24/5/2021	1	Chủ biên		2706/GCN-TĐHYKPNT Ngày 07/7/2021
11	Giáo trình Sơ sinh học	GT	NXB Y học ISBN: 978-604-66-4981-6 Ngày nộp lưu chiểu: 23/6/2021	1	Chủ biên		2708/GCN-TĐHYKPNT Ngày 07/7/2021
12	Chẩn đoán và điều trị vàng da sơ sinh do tăng bilirubin gián tiếp ở các cơ sở y tế có nguồn lực hạn chế	CK	NXB Y học ISBN: 978-604-66-5609-8 Ngày nộp lưu chiểu: 17/6/2022	1	Chủ biên		4107/GCN-TĐHYKPNT Ngày 29/6/2022

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Số lượng sách chuyên khảo là chủ biên sau PGS: 4, số thứ tự [6],[9],[10],[12].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang..... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS				
1	Hiệu quả điều trị vàng da sơ sinh nặng của dàn đèn Compact TD hai mặt tự lắp	CN	Số 307/HĐ-SKHCN, Cấp Thành phố	12/2006 – 12/2013 (Giai đoạn tiếp tục triển khai ứng dụng đề tài: 11/2009-12/2013)	16/10/2009 Xếp loại: Khá Cấp kinh phí nghiên cứu cho đề tài dự án khoa học và công nghệ số 392/TB-SKHCN ngày 27/12/2013
2					
...					

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Trước khi được công nhận chức danh PGS:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1.	Nhân 24 trường hợp viêm màng não mủ tại khoa sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ	1	X	Công trình NCKH Trường ĐHYD TP.HCM			48 - 55	1995
2.	Nhân 2 trường hợp vàng da tán huyết nặng do bất đồng yếu tố giữa mẹ và con được cứu sống	2	X	Thời sự Y Dược học			Số 7, 43-45	1996

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí Quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
3.	Vàng da sơ sinh nặng do tăng Bilirubin gián tiếp	1	X	Tạp chí Y học TP.HCM			1,3, 140-145	1997
4.	Sử dụng dàn đèn TD 8.9 W/71 để điều trị vàng da tăng bilirubin gián tiếp ở trẻ sơ sinh	1	X	Tạp chí Y học TP.HCM			3,3, 169- 172	1999
5.	Khảo sát các triệu chứng lâm sàng liên quan đến chỉ định thay máu do vàng da sơ sinh nặng	1	X	Thời sự Y Dược học			4,6, 286-289	1999
6.	Nhận định về các trường hợp vàng da sơ sinh nặng cần thay máu	1	X	Tạp chí Nhi khoa			8,3, 141-146	1999
7.	Hiệu quả điều trị vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp của dàn đèn compact TD 8.9 W/71 tự chế	1	X	Tạp chí Nhi khoa			8,4, 204-210	1999
8.	Tác dụng của Clofibrate liều uống duy nhất trong điều trị phòng ngừa vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp	1	X	Tạp chí Y học TP.HCM			4,1, 32-36	2000
9.	Ảnh hưởng của tình trạng thiếu máu lén sự phát triển thể lực - tâm sinh lý của trẻ em ở huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước	2	X	Tạp chí Nhi khoa			10, 423-431	2002
10.	Giá trị tiên lượng của các triệu chứng thần kinh do vàng da sơ sinh tăng Bilirubin gián tiếp	2	X	Tạp chí Y học TP.HCM			7,1, 10-20	2003
11.	Tình hình tử vong chu sinh tại Bệnh viện phụ sản Từ Dũ	4		Tạp chí Y học TP.HCM			7,1, 31-36	2003
12.	Hiệu quả của Betamethasone sử dụng trước sinh ở mẹ để dự	3	X	Tạp chí Y học TP.HCM			8,1, 39-47	2004

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí Quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	phòng Hội chứng suy hô hấp ở trẻ non tháng							
13.	Khảo sát tình hình thai phụ nhiễm HBV tại Bệnh viện Trà Vinh	3		Tạp chí Y học TP.HCM			10,1, 53-57	2006
14.	Hiệu quả điều trị vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp của dàn đèn compact 2 mặt tự chế	1	X	Tạp chí Y học TP.HCM			10,2, 65-70	2006
15.	Ngừa suy hô hấp trẻ non tháng bằng Betamethasone dùng cho thai phụ chấm dứt thai kỳ sớm	2		Tạp chí Y học TP.HCM			10,2, 115-121	2006
16.	So sánh hiệu quả của 2 phương pháp chiếu đèn 2 mặt trong điều trị vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp	1	X	Tạp chí Nhi khoa			15,1, 41-45	2007
17.	Nhận xét ban đầu của thở máy rung tần số cao trong điều trị trẻ non tháng bị suy hô hấp nặng tại Bệnh viện Từ Dũ	2	X	Tạp chí nghiên cứu Y học, Bộ Y tế-ĐH Y HN			55,6, 65-71	2007
18.	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp Kang-gu-ru lên sự tươi máu não ở trẻ sơ sinh non tháng	2		Tạp chí Nhi khoa			15,2, 27-31	2007
19.	Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng Betamethasone trước	2	X	Tạp chí Nhi khoa			15,2, 21-26	2007

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	sinh lèn tình trạng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh non tháng qua 2 nghiên cứu tại Bệnh viện Từ Dũ							
20.	So sánh hiệu quả của 2 phương pháp chiếu đèn 2 mặt trong điều trị vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam			332, 94-101	2007
21.	Hiệu quả của kỹ thuật “IN-SUR-E” trong điều trị suy hô hấp ở trẻ non tháng	1	X	Tạp chí Nhi khoa			1,1, 31-38	2008
22.	Khảo sát sự trưởng thành của vỏ não thị giác ở trẻ nhỏ hơn 1 tuổi qua phản ứng của não với ánh sáng dưới sự trợ giúp của siêu âm xuyên sọ	2		Tạp chí Nhi khoa			1,1, 64-70	2008
23.	Tình hình thở máy sơ sinh tại Bệnh viện Từ Dũ 2007	3		Tạp chí Y học TP.HCM			12,2, 36-41	2008
24.	Một vài nhận xét về tình hình thở máy và cai máy tại khoa Sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ	3		Tạp chí Y học TP.HCM			12,4, 69-74	2008
25.	Hiệu quả của dàn đèn PHOTOBED 2 mặt tự chế trong điều trị vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp tại khoa Sơ sinh Bệnh viện Từ Dũ	1	X	Tạp chí Y học TP.HCM			12,4, 126-129	2008
26.	Đánh giá hiệu quả của điều trị hội chứng suy hô hấp ở trẻ non tháng của hệ thống Bubble NCPAP chế tạo tại Việt	4		Tạp chí Y học TP.HCM			12,4, 137-141	2008

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí Quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	Nam với thông mũi 2 nhánh ngắn							
27.	Đánh giá hiệu quả của giường chiếu đèn 2 mặt sản xuất tại Bệnh viện Tử Dũ trong điều trị vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp	1	X	Tạp chí Y học Thực hành			3,651, 58-61	2009

Sau khi được công nhận chức danh PGS:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí Quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (khôn g tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
TRONG NƯỚC								
28.	Các yếu tố dự đoán tử vong ở trẻ nhẹ cân tại Khoa Sơ sinh, Bệnh viện Tử Dũ	3		Tạp chí Y học TP.HCM			14,2, 110- 116	2010
29.	So sánh hiệu quả của giường chiếu đèn hai mặt photobed sản xuất tại Bệnh viện Tử Dũ với giường chiếu đèn bilibed nhập ngoại trong điều trị vàng da sơ sinh do tăng bilirubin gián tiếp	3	X	Tạp chí Y học TP.HCM			14,2, 117- 122	2010
30.	Tình hình tử vong sơ sinh tại khoa sơ sinh Bệnh viện Tử Dũ từ năm 1999 đến năm 2009	2	X	Tạp chí Y học TP.HCM			14,2, 123- 130	2010
31.	Nhận một trường hợp bệnh lý chuyển hóa Galactose	2	X	Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859- 1779			17,2, 98- 102	2013

32.	Khảo sát hiệu quả phương pháp chăm sóc Căng - gu - ru sớm ở trẻ sơ sinh nhẹ cân	2		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			19,3, 227- 231	2015
33.	Kết quả của điều trị surfactant cho trẻ sơ sinh bệnh màng trong	6		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			19,3, 213- 220	2015
34.	Kết quả điều trị trẻ sơ sinh non 26 - 34 tuần tuổi thai tại Bệnh viện Nhi đồng 2	4		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			20,2, 30-36	2016
35.	Khảo sát giá trị Procalcitonin trong chẩn đoán nhiễm trùng huyết sơ sinh tại Khoa Sơ sinh Bệnh viện Nhi đồng 1	2		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			22,3, 123- 129	2018
36.	Tổn thương thận cấp ở trẻ sơ sinh non tháng bệnh lý tại khoa Hồi sức sơ sinh Bệnh viện Nhi đồng 1	3		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			23,3, 259- 264	2019
37.	So sánh sự phát triển tâm thần vận động của trẻ sinh ra từ chương trình thụ tinh trong ống nghiệm với mang thai tự nhiên	4		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			23,21 9, 23- 30	2019
38.	So sánh sự phát triển thể chất của trẻ sinh ra từ chương trình thụ tinh trong ống nghiệm với mang thai tự nhiên	4		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			23,2, 31-36	2019
39.	Hiệu quả của kỹ thuật bơm Surfactant ít xâm lấn	3		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			23,3, 283- 291	2019
40.	Liên quan giữa tổn thương thận cấp với một số can thiệp ngoại khoa và tác dụng của thuốc ở trẻ sinh non tại Bệnh viện Nhi đồng 1	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			491,1, 106 - 109	2020
41.	So sánh một số yếu tố nguy cơ giữa 2 nhóm nhiễm nấm máu do C. albicans và C. non - albicans	2	X	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			15,3, 19-24	2020

42.	So sánh sự phát triển của trẻ sinh ra bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm với mang thai tự nhiên	2	X	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			15,3, 69-74	2020
43.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trẻ sinh non có tổn thương thận cấp tại Bệnh viện Nhi Đồng 1	2	X	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			15, 176- 181	2020
44.	Một số biến chứng liên quan đến trẻ sơ sinh sinh non 26 đến 34 tuần tuổi thai	2	X	Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			24,3, 261- 266	2020
45.	Đặc điểm nhiễm khuẩn huyết do Candida spp. ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện Nhi Đồng 1 từ 06.2014 đến 06.2019	2		Tạp chí Y học TP.HCM ISSN: 1859-1779			24,3, 167- 175	2020
46.	Sự tương đồng giữa siêu âm tim và thông tim chụp động mạch vành trên đối tượng bệnh dò động mạch vành bẩm sinh	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			491,1, 57 -59	2020
47.	Validity of puberty self-report in children and adolescents in Ho Chi Minh City	6		MedPharmRes ISSN: 1859-1868			4,4, 33- 37	2020
48.	Validation of predictive equations against DXA for estimation of body fat composition in Vietnamese children	5		MedPharmRes ISSN: 1859-1868			4,2, 11-16	2020
49.	Khảo sát thực trạng và giải pháp để triển khai công tác dược lâm sàng tại các Bệnh viện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			498,1, 23-27	2021

QUỐC TẾ

50.	Reducing neonatal infections in south and south central Viet Nam: The view of healthcare providers	8		BMC Pediatrics ISSN: 1471-2431	ISI, Scopus, IF: 2.11, Q1		13,51, 1-9	2013
51.	Neonatal resuscitation in Vietnam: a national	10		Acta Paediatrica ISSN:	ISI, Scopus,		104:e 255-e262	2015

	survey of a middle-income country			1651-2227	IF 2.265, Q1			
52.	Equipment for neonatal resuscitation in a middle-income country: a national survey in Vietnam	9		BMC Pediatrics ISSN: 1471-2431	ISI, Scopus, IF: 2.11, Q1		16:13 9	2016
53.	Clinical features, antimicrobial susceptibility patterns and genomics of bacteria causing neonatal sepsis in a children's hospital in Vietnam: protocol for a prospective observational study	16		BMJ Open ISSN: 2044-6055	ISI, Scopus, IF: 2.71, Q1		8,e01 9611 1-8	2018
54.	Evaluation of skin prick test to screen dust mite sensitization in chronic respiratory diseases in Southern Vietnam	8		Asia Pacific Allergy ISSN: 2233-8268	ISI IF: 1.67		8,4,e3 9	2018
55.	The protective effect of rural life on mite sensitization disappears among urban migrants in the South of Viet Nam	14		World Allergy Organization Journal ISSN: 1939-4551	ISI, Scopus Q1		12,12, 10008 5	2019
56.	Quality of life among Vietnamese patients with chronic hepatitis B: A cross - sectional study based on a self - report survey	7	X	Systematic Reviews in Pharmacy ISSN 0975-8453	Scopus Q2		10,1, 167- 172	2019
57.	Quality of life among patients with Parkinson's disease: A cross - sectional study in Viet Nam	7	X	Systematic Reviews in Pharmacy ISSN: 0975-8453	Scopus Q2		10,2, 8-14	2019
58.	Influence of type of dwellings on the prevalence of chronic respiratory diseases in Ho Chi Minh City, Viet Nam	8		Int j tuberc lung dis ISSN: 1815-7920	ISI, Scopus Q1		24,3, 316- 320	2020
59.	Magnetic Resonance Imaging Findings and Their Association with Electroencephalogram	4	X	Cureus Journal of Medical Science ISSN 2168-8184	ISI (ESCI), Pubmed		12,5, e7922 -7931	2020

	Data in Children with Partial Epilepsy							
60.	A Rare Case of Large Solid Pseudopapillary Tumor in a child	3	X	American Journal of Case Reports ISSN: 1941-5923	ISI, Scopus IF: 0.69, Q3		e9239 90-1 - e9239 90-4	2020
61.	Clinical characteristic of candidemia among neonates in a Children's Hospital in Vietnam: A retrospective study	2	X	Medical Science ISSN: 2321-7367	ISI (ESCI)		24,10 3, 1780- 1788	2020
62.	Treatment of respiratory distress syndrome in premature infants: A comparison of LISA and INSURE methods in the Vietnamese context	2	X	Medical Science ISSN: 2321-7367	ISI (ESCI)		24,10 4, 1845- 1852	2020
63.	Study of the role of exhaled nitric oxide (NO) in predicting controlled or uncontrolled asthma in asthmatic children	5	X	Multidisciplinary Respiratory Medicine ISSN: 2049-6958	ISI, Scopus, Q2		15,65 6	2020
64.	An assessment of female ovarian cancer patients' death and survival rates after surgical intervention: Neoadjuvant chemotherapy verus primary debulking surgery	2	X	Medical Science ISSN: 2321-7367	ISI (ESCI)		24,10 4 1839- 1844	2020
65.	The use of exhaled nitric oxide and peak expiratory flow to demonstrate improved breathability and antimicrobial properties of novel face mask made with sustainable filter paper and Folium Plectranthii amboninicii oil: additional option for	11	X	Multidisciplinary Respiratory Medicine ISSN: 2049-6958	ISI, Scopus, Q2		15,1, 664	2020

	mask shortage during COVID-19 pandemic							
66.	An Assessment of Kangaroo Mother Care For Preterm Low-Birthweight Infant: A Cross-Sectional Study in Vietnam	3	X	Journal of Critical Reviews ISSN: 2394-5125	Scopus		7,10, 126- 131	2020
67.	Effects of Early Surfactant Therapy For the Treatment of Respiratory Distress Syndrome in Premature Vietnamese Infants	3	X	Journal of Critical Reviews ISSN: 2394-5125	Scopus		7,10, 132- 137	2020
68.	Intestinal Obstruction Due to Acute Appendicitis	4		Case Reports in Gastroenterology E-ISSN: 1662-0631	Scopus, Q3, Pubmed		14, 346– 353	2020
69.	A Retrospective Cohort Study of Kawasaki Disease in Hue Central Hospital for 10 Years (2010-2019)	3	X	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences ISSN: 1857-9655	Scopus IF: 0.55, Q3		8,B, 99- 103	2020
70.	Comparison of psychomotor development among children conceived through ICSI in-vitro-fertilisation and naturally at 5 through 30 months of age, Vietnam	5		European Journal of Obstetrics & Gynecology and Reproductive Biology ISSN: 0301-2115	Scopus, ISI(SCIE) Q2		258, 157- 161	2021
71.	Diffuse Gallbladder Adenomyomatosis in a Child	3	X	Cureus Journal of Medical Science ISSN 2168-8184	ISI (ESCI), Pubmed		13(6): e1555 5	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 13.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giường hai mặt chiếu đèn chữa bệnh vàng da	Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích số 967 của Cục Sở hữu trí tuệ , QĐ số 17634/QĐ – SHTT	11/4/2012	Tác giả chính	1
2	Thiết bị chữa bệnh vàng da ở trẻ sơ sinh bao gồm bộ bóng đèn Compact	Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích, số 2055 của Cục sở hữu trí tuệ, QĐ số 43464/ QĐ – SHTT	04/6/2019	Tác giả chính	1

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS (ghi rõ số thứ tự): 2 và 3.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

1		Giấy khen của Ban tổ chức hội thi sáng tạo kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 14/QĐ-HT/LHH-2009	Đạt giải ba Hội thi sáng tạo kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh năm 2008. Giải pháp: Giường chiếu đèn 2 mặt để điều trị vàng da sơ sinh.	01
2		Giấy khen của Ban tổ chức hội thi sáng tạo kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 34-15/QĐ-HT/LHH-2013	Đạt giải ba “Giải thưởng sáng tạo kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh năm 2011-2012”.	01
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS (ghi rõ số thứ tự): 1 và 2.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/dề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Tên chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã đưa vào áp dụng thực tế (bao gồm xây dựng, thiết kế chương trình mới và sửa đổi, bổ sung)	Trách nhiệm (chủ trì/tham gia)	Văn bản thẩm định để đưa vào sử dụng (văn bản, số, ngày, tháng, năm)
1	Hiệu quả điều trị vàng da sơ sinh nặng của dàn đèn Compact TD hai mặt tự lắp	Chủ trì	Đề tài NCKH cấp thành phố HCM số 307/HĐ - SKHCN (2006 -2014)
2	Giường hai mặt chiếu đèn chữa bệnh vàng da	Chủ trì	Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích số 967 của Cục Sở hữu trí tuệ, QĐ số 17634/QĐ – SHTT, Ngày 11/4/2012
3	Thiết bị chữa bệnh vàng da ở trẻ sơ sinh bao gồm bộ bóng đèn Compact	Chủ trì	Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích, số 2055 của Cục sở hữu trí tuệ, QĐ số 43464/ QĐ – SHTT, Ngày 04/6/2019
4	Mở mã ngành đào tạo trình độ đại học: Dược học	Chủ trì	Số 1750/QĐ – BGD ĐT Ngày 18/5/2017

5	Mở mã ngành đào tạo trình độ đại học: Ngành dinh dưỡng trình độ đại học	Chủ trì	Số 2716/QĐ – BGDĐT Ngày 27/7/2018
6	Mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 Nhi khoa	Tham gia soạn thảo, đứng tên, giảng dạy	Số 29/QĐ-BYT ngày 06/01/2012
7	<i>Mở mã ngành/chuyên ngành Thạc sĩ Nhi khoa</i>	<i>Tham gia soạn thảo, đứng tên, giảng dạy</i>	<i>Số 4291/QĐ-BGDĐT ngày 11/10/2012</i>
8	<i>Mở mã ngành/chuyên ngành Tiến sĩ Nhi khoa</i>	<i>Chủ trì, đứng tên, giảng dạy</i>	<i>Số 599/ QĐ-BGDĐT ngày 01/03/2018</i>
9	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Thạc sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 1579/ QĐ-BGDĐT ngày 08/05/2017
10	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Tiến sĩ Tai-Mũi Họng	Chủ trì Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 1817/ QĐ-BGDĐT ngày 22/05/2017
11	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Tiến sĩ Ngoại khoa	Chủ trì Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 599/ QĐ-BGDĐT ngày 01/03/2018
12	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 Thần kinh	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 7413/ QĐ-BYT ngày 20/12/2016
13	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ Nội trú Da liễu	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 7413/ QĐ-BYT ngày 20/12/2016
14	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ Nội trú Sản phụ khoa	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 7413/ QĐ-BYT ngày 20/12/2016
15	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ Nội trú Truyền nhiễm	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 7413/ QĐ-BYT ngày 20/12/2016
16	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ Nội trú Ung bướu	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 7413/ QĐ-BYT ngày 20/12/2016
17	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 Xét nghiệm Y học	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 2872/ QĐ-BYT ngày 10/05/2018

18	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 Phẫu thuật-Tạo hình-Thẩm mỹ	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 2872/ QĐ-BYT ngày 10/05/2018
19	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 Ung thư	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 2872/ QĐ-BYT ngày 10/05/2018
20	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 Truyền nhiễm	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 2872/ QĐ-BYT ngày 10/05/2018
21	Đề án mở mã ngành/chuyên ngành Bác sĩ Nội trú Chẩn đoán hình ảnh	Đứng ký tên, tham gia soạn thảo	Số 2872/ QĐ-BYT ngày 10/05/2018

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

- Bài báo quốc tế (ISI, Scopus) số thứ tự 50: *Reducing neonatal infections in south and south central Viet Nam: The view of healthcare providers*, BMC Pediatrics, ISSN: 1471-2431, ISI, Scopus, IF: 2.11, Q1, 2013.
- Bài báo quốc tế (ISI, Scopus) số thứ tự 51: *Neonatal resuscitation in Vietnam: a national survey of a middle income country*, Acta Paediatrica, ISSN: 1651-2227, ISI, Scopus, IF 2.265, Q1, 2015.

3. Bài báo quốc tế (ISI, Scopus) số thứ tự 52: *Equipment for neonatal resuscitation in a middle-income country: a national survey in Vietnam*, BMC Pediatrics, ISSN: 1471-2431, ISI, Scopus, IF: 2.11, Q1, 2016.

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
Bài báo quốc tế (ISI, Scopus) số thứ tự 70: *Comparison of psychomotor development among children conceived through icsi in-vitro-fertilisation and naturally at 5 through 30 months of age, Vietnam*, European Journal of Obstetrics & Gynecology and Reproductive Biology, Scopus, ISI(SCIE), Q2, 2021.

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đổi với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đổi với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đổi với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Ngô Minh Xuân